

MỘT VÀI NHẬN THỨC MỚI VỀ DI SẢN VĂN HÓA QUA TẤM BIA CHÙA ĐÔNG PHÙ

TRẦN THÀNH - ĐỊNH PHONG - ĐỨC DŨNG

Chùa Đông Phù có tên chữ là “Hung Long tự”, đã được xếp hạng là di tích quốc gia theo Quyết định số 34-VH/QĐ ngày 09 tháng 01 năm 1990 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), nằm trên địa bàn thôn Đông Phù, xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Theo truyền thuyết dân gian lưu truyền tại địa phương, chùa khởi nguồn từ thời Lý - giai đoạn cực thịnh của Phật giáo Việt Nam. Với kiến trúc “nội công ngoại quốc” theo kiểu “tiền Phật hậu Thần”, với hệ thống di vật, cổ vật khá phong phú...

Trong những năm gần đây, chùa Đông Phù đã được tu bổ với quy mô lớn, chủ yếu dựa trên nguồn vốn xã hội hóa. Nhưng cũng từ đây, một số hạn chế đã bộc lộ trong quá trình triển khai thực hiện, dẫn đến tình trạng không còn giữ được nguyên vẹn nhiều yếu tố gốc cấu thành di tích, thể hiện qua một số vấn đề như: Nhiều cấu kiện kiến trúc gỗ được làm mới; nhiều hạng mục được xây mới bằng những vật liệu như bê tông cốt thép, đá chống trơn; cùng kiểu dáng ít gặp ở chùa Việt cổ; một số tượng cổ đã bị thép vàng toàn phần, không đúng như nguyên gốc đã làm mất đi không chỉ tính thẩm mỹ mà cả những tư tưởng về nhân sinh quan và vũ trụ quan Phật giáo ẩn chứa trong đó.

Tuy nhiên, chùa Đông Phù vẫn bảo lưu được khá nhiều di sản văn hóa vật thể có giá trị. Trong số đó, một hiện vật đáng quan tâm nhất là tấm bia đá được tạo tác vào năm Vĩnh Tộ thứ 2 (1620) với rất nhiều vấn đề gợi mở cho các nhà nghiên cứu về di sản văn hóa.

Bia gồm hai mặt, mặt thứ nhất với tiêu đề: “Trùng tu Hưng Hóa thiền tự bi”, mặt thứ hai với tiêu đề “Bản xã cập thập phương tín thí” do sự trụ trì của chùa lúc bấy giờ là Vũ Văn Giám (tự là Chân Dạng) soạn, nội dung chủ yếu đề cập đến các vấn đề về lịch sử di tích, vấn đề xây dựng, trùng tu di tích. Theo đó, ngôi chùa này vốn là một chốn danh lam cổ tự, phía Tây có núi, phía Đông có đường nhỏ, phía Nam có dải Tô Lịch uốn lượn, phía Bắc có dải Nhị Hà bao bọc; hai vị công chúa triều Lý đã tu ở đây và có nhiều công lao đối với dân trong vùng. Tuy nhiên, trải qua thời gian chùa bị hư hỏng nặng. Năm Kỷ Mùi - 1619, bà Quận chúa là Trịnh Thị Ngọc Thượng, hiệu là Chân Minh, người xã Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc, phủ Thiệu Thiên xuất tiền sửa hậu đường, hành lang, tam quan, đúc chuông và dựng tượng. Cuối phần bia là một bài minh gồm 20 câu, mỗi câu 4 chữ miêu tả hình thế, tóm lược việc trùng tu chùa vào năm 1619 và mong ước chùa được bền vững ngàn năm cùng trời đất. Sau phần bài minh

ở gần cuối mặt thứ nhất và toàn bộ mặt thứ hai là phần ghi chép tên, công quả của các bậc hội chủ, hưng công, tín thí của xã và thập phương đã công đức trùng tu chùa. Bia do thợ đá huyện Gia Phúc là Nguyễn Văn Minh phụng khắc, có kích thước 80cm x 124cm, gồm tổng cộng 49 hàng chữ Hán, toàn văn ước khoảng 1.600 chữ.

Về nội dung của tấm bia, thực ra không có những đặc điểm đáng phải quan tâm so với các tấm bia khác, bởi nội dung của nó chỉ nói về sự kiện trùng tu ngôi chùa và việc thập phương công đức, với những tên tuổi cụ thể. Có thể chỉ tạm tìm được đặc điểm ở đây là những người công đức đã được vinh danh một cách chính thức. Nếu như ở giai đoạn muộn hơn thì điều này không có gì phải đáng quan tâm lắm, nhưng ở niên đại 1620 thì rõ ràng là một điều đáng phải lưu ý, vì trước đó (thời Mạc) hiện tượng này vẫn còn dè dặt nhưng tới đây đã được công khai ghi chép lại trên phần chính của bia, mặt nào như nói lên vai trò của nền kinh tế tư nhân đã có chỗ đứng vững chắc trong xã hội. Đó là một chứng cứ lịch sử rõ rệt mà chỉ có thông qua các hiện vật mới thấy được một cách cụ thể.

Một vấn đề khác mà chúng ta thấy được ở trên tấm bia này cũng như nhiều tấm bia trước đó là ở giá trị tạo hình, với trán bia chưa cao, còn khá bè. Đó là phong cách phổ biến của thời Lý, Trần, Lê Sơ, Mạc và đầu thế kỷ XVII. Ở đây, chúng ta vẫn nhìn thấy toàn khối của bia như biểu tượng về tam tầng của vũ trụ. Tạm có thể thấy được rồng châu thuộc tầng trên, rùa thuộc tầng dưới, còn những sự việc của con người được ghi trên bia thuộc về thế gian. Suy cho cùng, ý thức Tam tài (Thiên- Địa - Nhân) của nhận thức Nho giáo đã ảnh hưởng khá sâu vào tạo hình.

Thông thường trong nghệ thuật tạo hình, mặt trước của tấm bia với trán có hình rồng châu mặt trời/trăng thì hướng ra phía trước (đầu rùa) nhưng tại tấm bia này lại đặt quay về phía sau. Điều này khiến chúng ta có thể đặt ra giả thiết rằng, khi di chuyển, bia đã được tháo rời khỏi lưng rùa và lúc lắp lại đã đặt sai; hoặc là với ý thức đề cao Phật giáo để quy tụ lòng người của chính thể quân chủ đương thời thông qua những người công đức

lớn, nên đã để phần trán bia có tượng Tam thế ra đằng trước. Suy cho cùng, dù lý giải thế nào thì đây vẫn là một tấm bia rất đặc biệt, khá hiếm trong nghệ thuật tạo hình ở nước ta.

1- Về mặt bia đề "Bản xã cập thập phương tín thí"

So sánh với các tấm bia cùng thời thì diềm bia là hệ thống vân xoắn còn mang nhiều dấu ấn thời Mạc, nên nó vẫn được xếp vào phong cách Mạc. Tuy nhiên, tại tấm bia này, đường diềm trên đã bị giải thể và thay thế bằng hiện tượng hoa dây với đường sóng hình "sin" để lồng ở giữa mỗi ô là một hoa mãn khai (như tiền đề của nghệ thuật giữa và cuối thế kỷ này), trên hai diềm đứng, mở đầu là đôi hạc châu ngậm hoa lá thiêng đứng lưng rùa. Chúng ta cũng đã từng thấy hình tượng hạc đứng trên đầu rùa tại bia chùa Láng và có lúc đã được coi là sớm nhất trong tạo hình cổ truyền. Song bia chùa Láng có niên đại vào những năm 30 của thế kỷ XVII, còn muộn hơn bia chùa Đông Phù. Do đó, có thể đây là một phát hiện mới mà chúng ta rất cần quan tâm (hiện tượng có những hạc tương đồng đã được chạm trên gỗ thời Mạc nhưng cặp phạm trù hạc và rùa ở bia này hiện có thể tạm xếp đây là niên đại sớm nhất của loại hình kể trên). Một đặc điểm khác là cũng trong đường diềm, trên đỉnh cao nhất là hình tượng một con chim xòe rộng cánh được nhìn từ đằng lưng. Chỉ một chi tiết nhỏ nhoi này khiến chúng ta nghĩ tới đỉnh cao gắn với bầu trời, quyền uy..., mà ở thời Mạc có hình tượng con chim tương đồng được chạm trên chính tâm mặt trước của mũ Ngọc hoàng hay vua. Phần diềm đáy là những cánh sen dẹo mang yếu tố âm, trong lòng có hoa cúc cách điệu mang yếu tố dương, với những tia sáng dạng vân xoắn và có đao. Bóng dáng của các tia vân xoắn này đã thấy xuất hiện từ thời Lý trên rồng bộ Phật ở chùa Phật Tích, nhưng ở đây mũi đao đã tương đối thẳng như một tiền thân của đao mác thế kỷ XVII. Nhìn tổng thể, toàn bộ phần diềm này như một trục vũ trụ, với hình tượng chim thiêng và hạc là đại diện của tầng trên, cánh sen dẹo là biểu hiện của tầng dưới, được nối với nhau qua dải hoa dây hình sin thể hiện sự giao

hòa, đối đãi của hai yếu tố âm và dương trong một thể thống nhất.

Điều như nêu trên cho chúng ta thấy, việc phân chia thành biểu tượng của ba tầng vũ trụ càng có cơ sở. Từ đó, nhìn vào mặt bia, với trung tâm là một mặt tròn kép như tượng cho mặt trời nhưng chính trong lòng của nó lại có một đường chỉ chìm đi từ trên đỉnh chạy cong xuống thành ở phía bên phải, nên đã tạo cho phần ở bên trái một dạng trăng lưỡi liềm cân xứng. Đó là mặt trăng lưỡi liềm của những ngày đầu tháng. Cũng có thể nghĩ rằng, hình tượng trăng lưỡi liềm trong mặt trời mang ý nghĩa trong dương có âm, liên quan đến yếu nghĩa sâu xa của Dịch học. Từ mặt trời này, sáu tia sáng được bay ra ở hai bên và hai cụm vân xoắn được thể hiện ở trên và dưới. Các tia sáng đều ngắn và như “ngập ngừng” trong sự chuyển hóa thành đao mác ở thời gian sau. Xen kẽ giữa các vân xoắn và tia xoắn là hạt tròn nổi, mà cả hợp thể như biểu tượng cho mặt trời, mặt trăng và tinh tú.

Châu hai bên là đôi rồng, với thân để trơn. Bóng dáng rồng còn nhiều yếu tố của thời Lê Sơ và Mạc, với hai cụm tóc chải bắt chéo vào nhau bay lên, đặc biệt là hai đao mắt kiểu râu cá trê lượn sóng lên trên và xuống dưới như ôm lấy cả bầu trời. Tuy nhiên, đao này khác với thời Lê Sơ ở chỗ đó là đao kép. Rồng có một chân trước giơ lên đỡ đao kiểu đuôi cá, chân kia đạp xuống dưới, với bốn móng. Chân sau của rồng đạp về phía sau, được thể hiện năm móng, khiến chúng ta ngỡ rằng, tấm bia này như là của vua chúa, hoặc chí ít là được dựng theo lệnh vua chúa (điều này được minh chứng qua nội dung văn bia ghi lại việc nhà vua đồng ý cho bà Quận chúa họ Trịnh đứng ra hưng công tu bổ lại nội tự và tượng pháp). Điểm tuyệt trên nền của rồng là những ổ mây cuộn hoặc những vân một đầu xoắn, một đầu duỗi ra thành đao lượn sóng nhẹ - như thoáng nét bóng dáng từ thời Lý đến tận thời Lê Sơ và Mạc.

2- Về mặt bia đề “Trùng tu Hưng Hóa thiên tự bi”

Bia có đường diềm tương tự mặt rồng châu mặt trời. Thay cho hình tượng chim ở trên đỉnh, là một bông cúc mãn khai. Diềm

dưới chân bia là các cánh sen dẹo chạm nổi ở trán bia, hai bên có rồng châu với một bố cục không khác gì ở mặt trước. Tuy nhiên, đôi rồng đã được thu nhỏ lại, tạo ra một không gian lớn ở giữa trán bia để chạm hình Tam thế Phật.

Ngay dưới trán bia là hàng chữ lớn - “Trùng tu Hưng hóa thiên tự bi”. Một đặc điểm là ở hai đầu của hàng chữ này đều có đầu rồng châu vào. Đôi đầu rồng này không đề lên đường viền mà lại chui dưới đường viền. Đây là một hiện tượng đặc biệt, gần như chỉ đến thời này mới có. Thông thường, khi thể hiện rồng, nghệ nhân đã chạm linh vật này với đầy đủ toàn thân hiện hình rõ ràng, ít khi bị che chắn hoặc chui luồn. Có thể nghĩ rằng, hiện tượng này như một tiền đề, để rồi tới chùa Keo (Thái Bình) thân rồng lại được thể hiện ở mặt bên; rồi đến các kiến trúc ở cuối thế kỷ này mà một điển hình là tại đình Chu Quyên: rồng có khúc ẩn, khúc hiện trong hình thức chui ra, luồn vào thân của đòn bẩy. Một số nhà dân tộc học mỹ thuật và lịch sử có ngờ rằng, hiện tượng này phần nào đã vượt ra ngoài tư duy nông nghiệp do chịu ảnh hưởng từ hoạt động thương mại. Phong thái “tự do” trên cũng còn được thể hiện tại những con rồng diềm bia với hình tượng góc đầu lên một cách đột ngột trong thể đề cả qua thân, không theo phong cách truyền thống.

Trở lại với hình Tam thế Phật trên trán bia. Có thể nói rằng, hiện tượng này rất hiếm trong tạo hình. Chúng ta cũng đã tìm được một hình tượng tương tự tại một ngôi chùa gần Cửa Lò - Nghệ An, được làm năm 1632. Vì vậy, hình tượng Tam thế Phật trên bia chùa Đông Phù hiện có niên đại sớm nhất mà chúng ta biết được. Hình Tam thế Phật đều được thể hiện trong tư thế “kiết già phu tọa” trên đài sen; tất cả đều được đặt trên một bệ ba tầng đơn giản. Hình thức của các vị Phật đều bố cục theo hình tháp, có phần không quan tâm đến tỷ lệ, không theo quy luật “tọa tứ” mà chỉ xấp xỉ “tọa tam”. Đáng quan tâm nhất ở đây là hình tượng các vành hào quang kép. Vành hào quang trong là một vành gần tròn chỉ bao lấy đầu hình Phật.



Biểu tượng về "Phật pháp bất li thế gian pháp" - Bia đá chùa Hưng Hóa (Đông Trù) -
Ảnh: T.L

Từ đầu Phật, có những trí lực bay ra, được thể hiện dưới dạng những đường chỉ cong, kép, song hàng, hướng lên đỉnh. Vành hào quang ngoài kiểu số 8, bao lấy toàn bộ hình Phật và vành hào quang trong. Phần dưới của vành này không liên kết với nhau mà thay thế bằng tòa sen. Viền quanh hình Phật và vành hào quang thứ nhất là một đường điểm răng cưa như mây rồng. Bao quanh vành hào quang ngoài cũng là một hàng mây răng cưa khác. Với hình tượng này, gần như chúng ta có thể tin được rằng, đây là một hiện tượng vốn trước đó chưa từng có trong mỹ thuật của người Việt, mà vành hào quang này như mang tính chất mở đầu cho những tượng Tam thế Phật ở chùa Bút Tháp, chùa Cô Mễ (Bắc Ninh)... Có thể nghĩ rằng, vành hào quang xung quanh đầu Phật tạo tiền đề cho việc phổ biến sau đó trong tạo hình Chúa Giêsu hay Đức mẹ Maria, ít nhất là trên đất Việt. Cách thức tương tự như trên có thể thấy ở hình tượng Lục Phật trên tháp quay chùa Bút Tháp. Tuy nhiên, vành hào quang như kể trên không thấy xuất hiện phổ

biến ở các thời kỳ sau và có phần xa lạ với nghệ thuật Phật giáo dân dã Việt. Một giả thiết được đặt ra là: Với sự bảo trợ của tầng lớp trên mà hình thức của Trung Hoa đã thâm nhập vào một số ngôi chùa Việt để góp phần làm giàu thêm và đa dạng hóa nền mỹ thuật dân tộc.

Có thể nhận định rằng, đây là một tấm bia cổ quý, một pho sử liệu bằng đá với niên đại tuyệt đối, nội dung ghi lại sự kiện trùng tu chùa cũng như phương danh các bậc hưng công tín thí và có giá trị đối với việc nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển cũng như những bước thăng trầm của một di tích lớn có ảnh hưởng quan trọng trong vùng. Hoa văn trang trí của bia có sự độc đáo riêng, chứng tỏ trình độ nghệ thuật cũng như tư tưởng của chủ nhân tạo ra tấm bia, đồng thời cũng tiêu biểu cho một phong cách nghệ thuật đặc sắc của cả một thời, là mẫu mực để so sánh với những tấm bia khác đầu thế kỷ XVII, nhất là phong cách bia Vĩnh Tộ./.